

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2022/HS-ST

Ngày: 24-3-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Giang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Như Lữ.

2. Bà Nguyễn Thu Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lò Thị Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Phạm Duy Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên, Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 37/2022/TLST-HS ngày 11 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2022/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Vũ Văn T** (tên gọi khác: Không), sinh ngày 08/6/1986 tại xã Núa Ng, huyện Điện Bi, tỉnh Điện Biên; nơi cư trú: Thôn Tân Ng, xã Núa Ng, huyện Điện Bi, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn Ch (đã chết) và bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1962; vợ, con: Chưa có.

Tiền án: 01 tiền án, ngày 21/11/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Điện B tuyên xử 36 tháng tù giam về tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*” tại Bản án số: 267/2018/HSST, ngày 21/11/2018. Chấp hành xong ngày 24/02/2021 hiện chưa được xóa án tích.

Tiền sự: Không.

Bị tạm giam từ ngày 05/01/2022 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

+ Bà Phạm Thị N, sinh năm 1956.

Nơi cư trú: Bản Huổi Múa B, xã Keo L, huyện Điện Biên Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 16 giờ ngày 02/01/2022 Vũ Văn T trên đường đi chơi tại bản Trung S, xã Keo L, huyện Điện Biên Đ về nhà tại thôn Tân Ng, xã Núa Ng, huyện Điện B, khi về đến khu vực cầu Huổi M, xã Keo L T phát hiện tại nhà quán bán hàng của bà Phạm Thị N, sinh năm 1965, trú tại bản Huổi Múa, xã Keo L không có ai. Vũ Văn T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, nên T đi vòng ra phía sau nhà quán, rồi trèo lên gác trong nhà quán lục tìm tài sản trộm cắp. Quá trình lục tìm, T phát hiện dưới chiếu trên đệm ngủ có 01 chiếc ví màu đen dạng da có kích thước 20x10x3 cm. T mở khóa ví ra phát hiện bên trong ví có tiền gồm các tờ mệnh giá khác nhau, T đã trộm lấy toàn bộ số tiền cho vào túi áo khoác bên trái đang mặc, sau đó đi ra khỏi nhà quán, rồi tiếp tục đi đến khu vực bản Chóp L, xã Keo L và lấy số tiền trộm cắp ra đếm được 6.000.000đ. Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 05/01/2022 Vũ Văn T đã chi tiêu cá nhân hết 2.780.000đ. Số tiền còn lại là 3.220.000đ khi bị bắt đã thu giữ theo quy định.

Vật chứng thu giữ gồm: 3.200.000đ (*Ba triệu, hai trăm hai mươi nghìn đồng*) và 01 chiếc ví màu đen dạng da có kích thước 20x10x3 cm.

Ngày 07/01/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện Điện Biên Đ đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 32/QĐ, trưng cầu phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên, giám định vật chứng thu giữ của Vũ Văn T có phải là tiền do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành không? Nếu là tiền thì có lưu hành, sử dụng được không?

Tại bản Kết luận giám định số 176/GĐ-PC09, ngày 14/01/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên kết luận:

+ 06 tờ tiền mệnh giá 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*) có số mã hiệu cụ thể: HC 20086503; YJ 18268686; SV 18319644; ZO 19692598; CI 19030844; KI 17589937 là tiền thật.

+ 01 tờ tiền mệnh giá 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) có số mã hiệu: TP 19714444 là tiền thật.

+ 01 tờ mệnh giá 20.000đ (*Hai mươi nghìn đồng*) có số mã hiệu: CN 16032736 là tiền thật.

Quá trình giải quyết vụ án, Cơ quan CSĐT Công an huyện Điện Biên Đ đã xác định số tiền 3.220.000đ (*Ba triệu, hai trăm hai mươi nghìn đồng*) thu giữ của Vũ Văn T là tài sản hợp pháp của bà Phạm Thị N, sinh năm 1956, trú tại Bản Huổi Múa B, xã Keo L, huyện Điện Biên Đ, tỉnh Điện Biên. Cơ quan CSĐT đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 04/QĐ ngày 28/01/2022 trả lại số tiền trên cho bà Phạm Thị N.

Bị hại bà Phạm Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt vì không thu xếp được công việc nên không thể tham gia phiên tòa được. Quá trình điều tra bà N đã nhận lại số tiền 3.220.000đ (*Ba triệu, hai trăm hai mươi nghìn đồng*) hiện nay không cung cấp thêm tài liệu, cũng như không bổ sung thêm gì về lời khai. Còn về phần dân sự bà N không yêu cầu bị cáo Vũ Văn T bồi thường số tiền 2.780.000đ (*Hai triệu, bảy trăm tám mươi nghìn đồng*) và không có yêu cầu gì thêm đối với bị cáo Vũ Văn T, vì Vũ Văn T là đối tượng nghiện chất ma túy, sống phụ thuộc gia đình. Về phần hình sự: Bà N đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Bản Cáo trạng số 11/CT-VKS-ĐBĐ ngày 09/3/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên Đông đã truy tố bị cáo Vũ Văn T về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội: Giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Vũ Văn T cả về tội danh và điều luật áp dụng. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 173, Điểm s Khoản 1, 2 Điều 51, Điểm h Khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ Luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Vũ Văn T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

+ Về vật chứng vụ án: Chấp nhận việc Cơ quan CSĐT Công an huyện Điện Biên Đ trả lại tài sản cho chủ sở hữu hợp pháp là bà Phạm Thị N, sinh năm 1956, nơi cư trú: Bản Huổi Múa B, xã Keo L, huyện Điện Biên Đ, tỉnh Điện Biên số tiền 3.220.000đ (*Ba triệu, hai trăm hai mươi nghìn đồng*) và 01 chiếc ví màu đen hình chữ nhật, có khóa kéo bằng kim loại màu đen, đã qua sử dụng cho bà Phạm Thị N, sinh năm 1956, nơi cư trú: Bản Huổi Múa B, xã Keo L, huyện Điện Biên Đ, tỉnh Điện Biên theo Quyết định xử lý vật chứng số 04/QĐ ngày 28/01/2022.

+ Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận việc bị hại bà Phạm Thị N không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 2.780.000đ (*Hai triệu, bảy trăm tám mươi nghìn đồng*); Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST .

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xét hành vi của bị cáo Vũ Văn T thấy rằng. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Vũ Văn T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ khẳng định: Khoảng 16 giờ ngày 02/01/2022 Vũ Văn T đã có hành vi lén lút trộm cắp số tiền 6.000.000đ của bà Phạm Thị N, sinh năm 1965, trú tại bản Huổi Múa , xã Keo L. Mục đích chi tiêu cá nhân. Từ ngày

01/01/2022 đến ngày 05/01/2022 Vũ Văn T đã chi tiêu cá nhân hết 2.780.000đ. Số tiền còn lại là 3.220.000đ khi bị bắt giữ đã thu giữ theo quy định. Hành vi của bị cáo Vũ Văn T là nguy hiểm cho xã hội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã xâm phạm đến tài sản của cá nhân được Nhà nước bảo hộ, gây mất trật tự trị an tại xã Keo L nói riêng, huyện Điện Biên Đ nói chung. Bị cáo Vũ Văn T là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Vũ Văn T đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” theo Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định: “*Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*”.

Như vậy, Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên Đông truy tố bị cáo về tội danh và điều luật là có căn cứ cần chấp nhận.

[2]. Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thấy rằng: Bị cáo sinh ra trong một gia đình thuần nông, được bố mẹ nuôi dưỡng trưởng thành bị cáo học hết lớp 3/12 rồi ở nhà lao động sản xuất. Ngày 21 tháng 11 năm 2018, bị Tòa án nhân dân huyện Điện B, tỉnh Điện Biên tuyên phạt 36 tháng tù giam về tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*, đến ngày 24/02/2021 chấp hành xong. Bị cáo là một thanh niên đang trong độ tuổi lao động, chưa xây dựng gia đình. Lẽ ra cả quãng thời gian dài tập trung cải tạo bị cáo phải biết suy ngẫm, sửa chữa những lỗi lầm của mình, sau khi trở về địa phương phải rèn luyện bản thân, tu chí làm ăn lương thiện. Nhưng bị cáo không làm được như vậy, lười lao động, thích ăn chơi đua đòi, muốn biến tài sản của người khác thành tài sản riêng của mình, để có tiền tiêu xài bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác. Hiện bị cáo có 01 tiền án về tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*” tại bản án số 267/2018/HS-ST, ngày 21/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên. Như vậy, HĐXX xét thấy bị cáo là người đã từng có tiền án về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” nhân thân xấu, coi thường kỷ cương phép nước. Một lần nữa bị cáo phải chịu sự trừng phạt của pháp luật là điều tất yếu. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Quá trình giải quyết vụ án bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm s Khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Tái phạm*” theo Điểm h Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử, xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn để cải tạo, giáo dục đồng thời để cai nghiện cho bị cáo trở thành công dân sống có ích cho gia đình và xã hội.

[3]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại Khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự, thì ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo là người không nghề nghiệp, không có

tài sản, sống phụ thuộc gia đình là đối tượng nghiện chất ma túy lâu năm, nên không có khả năng thi hành án. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[5]. Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 04/QĐ ngày 28/01/2022 trả lại số tiền 3.220.000đ và 01 chiếc ví màu đen hình chữ nhật, có khóa kéo bằng kim loại màu đen, đã qua sử dụng cho bà Phạm Thị N, sinh năm 1956, nơi cư trú: Bản Huổi Múa B, xã Keo L, huyện Điện Biên Đ, tỉnh Điện Biên là chủ sở hữu hợp pháp, theo đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy hợp lý cần chấp nhận.

[6]. Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình giải quyết vụ án, bị hại bà Phạm Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt vì lý do sức khỏe không đảm bảo nên không thể tham gia phiên tòa được. Quá trình điều tra bà N đã nhận lại số tiền 3.220.000đ, hiện nay không cung cấp thêm tài liệu, cũng như không bổ sung thêm gì về lời khai. Còn về phần dân sự bà N không yêu cầu bị cáo Vũ Văn T bồi thường số tiền 2.780.000đ và không có yêu cầu gì thêm đối với bị cáo Vũ Văn T. Do vậy, bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm. HĐXX, không xem xét.

[7]. Các vấn đề khác:

+ Đối với người đàn ông bố của trưởng bản, trú tại bản Chóp L, xã Keo L, huyện Điện Biên Đông, theo lời khai của bị cáo vào tối ngày 02/01/2022 bị cáo có ngụ nhờ hai tội. Cơ quan CSĐT Công an huyện Điện Biên Đ đã tiến hành điều tra xác minh, bố của trưởng bản có tên Giàng Bia K, sinh năm 1954. Nhưng hiện tại ông Giàng Bia Ký không có mặt tại địa phương, gia đình và chính quyền địa phương không rõ đi đâu, nên chưa làm rõ được. Do vậy, không đề cập trong vụ án. HĐXX không xem xét.

+ Đối với người có tên là H (nghiện) ở Suối L bị cáo khai vào ngụ nhờ một tội. Cơ quan CSĐT Công an huyện Điện Biên Đ đã điều tra xác minh không có ai tên như bị cáo khai. Do vậy, không đề cập trong vụ án. HĐXX không xem xét.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 173; Điểm s Khoản 1, 2 Điều 51; Điểm h Khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ vào Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: bị cáo **Vũ Văn T** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo **Vũ Văn T** 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (05/01/2022).

2. Về vật chứng vụ án:

Chấp nhận việc Cơ quan CSĐT Công an huyện Điện Biên Đ trả lại tài sản cho chủ sở hữu hợp pháp là bà Phạm Thị N, sinh năm 1956, nơi cư trú: Bản Huổi Múa B, xã Keo L, huyện Điện Biên Đ, tỉnh Điện Biên số tiền 3.220.000đ (*Ba triệu, hai trăm hai mươi nghìn đồng*) và 01 chiếc ví màu đen hình chữ nhật, có khóa kéo bằng kim loại màu đen, đã qua sử dụng cho bà Phạm Thị N, sinh năm 1956, nơi cư trú: Bản Huổi Múa B, xã Keo L, huyện Điện Biên Đ, tỉnh Điện Biên theo Quyết định xử lý vật chứng số 04/QĐ ngày 28/01/2022.

3. Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận việc bị hại bà Phạm Thị N không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 2.780.000đ (*Hai triệu, bảy trăm tám mươi nghìn đồng*).

4. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai, kết thúc cùng ngày. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 24/3/2022). Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện Điện Biên Đông;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Cơ quan điều tra; Cơ quan THAHS huyện ĐBD;
- Nhà tạm giữ CA huyện ĐBD;
- Phòng NVHS CA huyện ĐBD;
- Chi cục THADS huyện ĐBD ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thanh Giang